

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26/7/2024

V/v tranh chấp: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Lan Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn H Luân
Ông Nguyễn Tiến Trọng

Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Thanh Huyền – Thư ký Toà án nhân dân huyện T, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 105/2024/TLST-HNGĐ ngày 02/5/2024 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị L, sinh năm 1991 (có mặt)

HKTT và chỗ ở: Xóm K, xã H, huyện B, tỉnh Hòa Bình.

Bị đơn: Anh Nguyễn Kim T, sinh năm 1994 (vắng mặt)

HKTT và chỗ ở: Xóm B, thôn L, xã Đ, huyện T, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Bùi Thị L trình bày:

Chị L và anh Nguyễn Kim T kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, thành phố Hà Nội ngày 18/3/2014. Trước đó chị L và anh T đã chung sống như vợ chồng tại xóm B, thôn L, xã Đ, huyện T, TP Hà Nội từ năm 2011 và có với nhau 02 con chung, đến năm 2014 anh chị mới đăng ký kết hôn. Từ thời gian đầu chung sống năm 2011, vợ chồng chị đã bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh T chơi bời cờ bạc, đánh đập vợ con, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nhưng vì các con còn nhỏ nên chị L vẫn cố gắng chịu đựng và đăng ký kết hôn với anh T để khai sinh cho các con. Đến giữa năm 2014 mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, anh T đánh đập và đuổi mẹ con chị L ra khỏi nhà. Chị L đưa các con về ở cùng bố mẹ đẻ ở xóm K, xã H, huyện B, tỉnh Hòa Bình và sống ly thân với anh T từ năm 2014 đến nay, anh T có đến gặp chị duy nhất một lần để xin lỗi nhưng chị L không đồng ý vì quá trình chung sống thường xuyên bị anh T bạo hành và không còn tình cảm vợ chồng, từ đó đến nay anh T không qua thăm các con lần nào, cũng không chu cấp tiền để nuôi con. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, thời gian ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung Nguyễn Kim Y, sinh ngày 18/02/2011 và Nguyễn Kim H, sinh ngày 13/7/2012, đều đang ở với chị L từ năm 2014 đến nay, việc sinh hoạt và học tập của các cháu đang ổn định. Ly hôn, chị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại chị L làm lao động tự do, chăn nuôi gà ở địa phương, thu nhập bình quân khoảng 10.000.000 đồng – 12.000.000 đồng/1 tháng và được bố mẹ đẻ tạo điều kiện cho chỗ ở ổn định và hỗ trợ chị chăm sóc các cháu.

Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung: Chị L và anh T không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là anh Nguyễn Kim T nhưng anh T đều vắng mặt trong các buổi làm việc, hòa

giải. Mẹ đẻ anh T là bà Đặng Thị L cho biết: Vợ chồng chị L và anh T chung sống với nhau từ năm 2011 nhưng đến năm 2014 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, TP Hà Nội. Quá trình chung sống, vợ chồng chị L và anh T cũng hay xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nên hay cãi vã, xô xát. Đến năm 2014, chị L đưa hai con bỏ về ngoại sinh sống và ly thân với anh T. Nay chị L xin ly hôn, anh T cho biết anh cũng đồng ý ly hôn với chị L để giải phóng cho cả hai bên. Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung là Nguyễn Kim Y, sinh ngày 18/02/2011 và Nguyễn Kim H, sinh ngày 13/7/2012 hiện đang ở với chị L từ khi vợ chồng chị ly thân đến nay. Trường hợp ly hôn, anh T cũng nhất trí để chị L tiếp tục nuôi dưỡng các cháu.

Tại phiên toà: Nguyên đơn giữ nguyên quan điểm yêu cầu xin ly hôn với anh T, đề nghị giao chị trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, nợ chung của vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Tòa án xác định đúng và đầy đủ; Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện T thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền; Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án giải quyết trong hạn luật định; Về thu thập chứng cứ đủ và đúng theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử theo đúng trình tự; Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị L và xử cho chị L được ly hôn với anh Nguyễn Kim T. Về con chung: Giao chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung là Nguyễn Kim Y, sinh ngày 18/02/2011 và Nguyễn Kim H, sinh ngày 13/7/2012, chị L không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh T đến khi có yêu cầu hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Bùi Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và của Đại diện Viện Kiểm sát; Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Nguyễn Kim T vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị L và anh Nguyễn Kim T kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện, chung sống như vợ chồng từ năm 2011 và đăng ký kết hôn ngày 18/3/2014 tại UBND xã Đ, huyện T, thành phố Hà Nội. Như vậy, hôn nhân của anh T và chị L là hợp pháp theo luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Qua xác minh xét thấy vợ chồng chị L và anh T thời gian đầu chung sống đã thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nên vợ chồng hay cãi vã, xô xát, thậm chí giải quyết mâu thuẫn bằng bạo lực nên hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng ly thân đã lâu từ năm 2014 không còn quan tâm chăm sóc nhau. Phía gia đình anh T cho biết anh T đồng ý ly hôn với chị L nhưng quá trình giải quyết vụ án, anh T đều vắng mặt nên không hòa giải được. Xét thấy, hôn nhân của anh T và chị L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị L là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị L và anh T có hai con chung là cháu Nguyễn Kim Y, sinh ngày 18/02/2011 và cháu Nguyễn Kim H, sinh ngày 13/7/2012. Khi ly hôn, chị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung và không yêu cầu anh T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Xét chị L có chỗ ở và công việc thu nhập ổn định, kể từ khi vợ chồng ly thân từ năm 2014 cả hai con chung vẫn ở cùng chị L, việc sinh hoạt và học tập của các cháu đang ổn định, các cháu cũng có nguyện vọng

được tiếp tục ở với mẹ. Vì vậy, chị L yêu cầu Tòa án giao cả hai con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là có căn cứ nên được chấp nhận. Tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh T đến khi có yêu cầu hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

[4] Về tài sản chung, công sức đóng góp và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Trường hợp các bên có yêu cầu và phát sinh tranh chấp thì dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị Bùi Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị L. Chị Bùi Thị L được ly hôn anh Nguyễn Kim T.

2. Về con chung: Giao chị Bùi Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Kim Y, sinh ngày 18/02/2011 và cháu Nguyễn Kim H, sinh ngày 13/7/2012. Tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn cho anh T đến khi có yêu cầu hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, công sức đóng góp và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Trường hợp các bên có yêu cầu và phát sinh tranh chấp thì dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0016219 ngày 02/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hà Nội. Chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
 - TAND Thành phố Hà Nội;
 - VKSND Thành phố Hà Nội;
 - VKSND huyện T, TP Hà Nội;
 - Chi cục THA huyện T;
 - UBND xã Đ, huyện T
- Thành phố Hà Nội;
- Lưu HS vụ án.

Đoàn Lan Hương